TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH** Bản án số: 09/2025/DS-ST Ngày 31 tháng 7 năm 2025 Về việc "Tranh chấp giao dịch dân sự về tiền phường, họ"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Môn;

2. Bà Phạm Thị Thư;

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2025/TLST-DS ngày 12/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là số 159/2025/TLST-DS ngày 01/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) về việc "Tranh chấp giao dịch dân sự về tiền phường, họ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh). (Ông S có mặt)

2. Đồng bị đơn:

- Ông Nguyễn Thanh S1, sinh năm 1969;
- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh).

(Ông S1 và bà M đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Thân Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Bắc Ninh). (Bà H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là ông Hoàng Văn S **trình bày:**

Ông có quan hệ cùng xã với ông S1, bà M. Khoảng tháng 2/2022 thấy nhiều người cùng xã có nói chuyện về việc tham gia phường ở nhà ông bà S1- Mơ nên thì ông có đến nhà ông S1, bà M hỏi về việc tham gia chơi phường. Ông và ông S1, bà M có thỏa thuận là ông được tham gia phường A, phường B. Về cách thức tham gia, số tiền đóng phường của mỗi phường đều giống nhau, mỗi phường gồm 24 suất tham gia, mỗi người tham gia phường thì sẽ đóng 5.000.000 đồng/ tháng/ suất, quay vòng lấy phường lần lượt hết 24 suất. Ngoài ra còn thỏa thuận về việc phần trăm của tiền đóng phường cụ thể là: mỗi người tham gia phường khi lấy sau thì sẽ được nhận tiền phường đã đóng và 10% số tiền đóng phường là tiền phần trăm nhân với số lượt lấy, trừ đi 1.000.000 đồng cho chủ phường. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng không bằng văn bản.

Các phường chỉ khác nhau về thời gian mở phường và thời gian kết thúc phường, cụ thể:

Phường 1 (từ ngày 25/02/2022 đến ngày 25/10/2023 âm lịch): ông đóng 5.000.000 đồng/tháng/suất, ông đã đóng 22 tháng (vì năm 2023 có hai tháng 2 âm lịch), tổng cộng ông đã đóng 110.000.000 đồng. Ngày 20/11/2023 đến lượt ông lấy phường, lẽ ra ông được nhận 110.000.000 đồng tiền gốc và được nhận thêm 22.000.000 đồng tiền phần trăm, tổng cộng là 132.000.000 đồng. Tuy nhiên ông S1, bà M báo là vỡ nợ, do đó ông chưa được lấy phường nên ông cũng không tính trừ tiền phần trăm là 1.000.000 đồng cho chủ phường.

Phường 2 (từ 30/02/2022 đến ngày 30/10/2023 âm lịch): ông đóng 5.000.000 đồng/tháng/suất, ông đã đóng 22 tháng (vì năm 2023 có hai tháng 2 âm lịch), tổng cộng ông đã đóng 110.000.000 đồng. Ngày 20/11/2023 đến lượt ông lấy phường, lẽ ra ông được nhận 110.000.000 đồng tiền gốc và được nhận thêm 22.000.000 đồng tiền phần trăm, tổng cộng là 132.000.000 đồng. Tuy nhiên ông S1, bà M báo là vỡ nợ nên ông chưa được lấy phường nên ông cũng không tính trừ tiền phần trăm là 1.000.000 đồng cho chủ phường.

Tổng cộng ông S1, bà M nợ ông 220.000.000 đồng tiền gốc và 44.000.000 tiền phần trăm.

Sau khi ông đòi nhiều lần, ông S1, bà M đã trả ông số tiền 170.000.000 đồng tiền gốc cụ thể như sau:

Ngày 7/01/2024 ông S1, bà M trả ông 100.000.000 đồng tiền gốc. Ông có ký vào cột người chơi phường ký tên xác nhận, bà M có ký vào cột Chủ phường ký tên xác nhận.

Ngày 7/3/2024 ông S1, bà M trả ông 70.000.000 đồng tiền gốc. Ông không ký vào cột người chơi phường ký tên xác nhận, bà M có ký vào cột Chủ phường ký tên xác nhận.

Sau đó bà M có viết "*hẹn T6/2024 trả tiếp*". Nội dung này được thể hiện tại Giấy trả nợ tiền phường do bà M ký nhận. Tuy nhiên từ đó đến nay ông đã đòi nhiều lần nhưng ông S1, bà M không trả ông tiền. Mặc dù chỉ có bà M ký vào giấy nhận nợ với ông, nhưng khi ông đóng tiền phường là có khi ông S1, có khi bà M nhận và ký vào sổ của ông nhưng hiện nay ông không còn sổ theo dõi của ông để xuất trình cho Tòa án, ông chỉ có Giấy trả nợ tiền phường do bà M ký nhận và giao cho ông. Ông chỉ biết đóng tiền phường cho chủ phường là ông S1, bà M, còn ông không biết người cùng tham gia còn lại trong phường là ai. Tòa án yêu cầu ông

cung cấp tên, tuổi, địa chỉ những người tham gia các dây phường do ông tham gia thì ông không cung cấp được và ông chỉ làm ăn với bà M, hiện nay những người đó ở đâu, làm gì ông không biết để cung cấp cho Tòa án. Tiền mà ông đóng tiền phường là tiền làm ăn riêng của ông nhiều năm, vợ ông là bà Thân Thị H, sinh năm 1974 không biết, không liên quan việc ông đóng phường.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông S1, bà M phải trả ông tiền phường còn nợ là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là bà Nguyễn Thị M **trình bày:**

Ông Hoàng Văn S là người cùng xã với bà, bà là chủ phường các suất phường mà ông S đã tham gia chơi. Bà không hô hào mà ông S tự nguyện đến nhà gặp trực tiếp bà là chủ phường với nguyện vọng tham gia chơi. Bà xác nhận đến thời điểm hiện tại bà còn nợ ông Hoàng Văn S số tiền phường là 50.000.000 đồng. Bản thân bà không hề cố tình lảng tránh hay không có ý thức trả nợ ông S số tiền phường còn nợ nêu trên. Bà sẽ cố gắng thu xếp hoàn trả dần cho ông S số tiền phường còn nợ nêu trên trong thời gian sớm nhất.

Bà không đồng ý việc ông S yêu cầu Toà án buộc chồng bà có nghĩa vụ trả ông S số tiền phường còn nợ vì đây là việc làm ăn riêng của bà, do một mình bà thực hiện, chồng bà - ông Nguyễn Thanh S1 không liên quan, không có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một mình bà thực hiện. Chồng bà không hề hay biết việc ông S và bà thỏa thuận về việc chơi phường như thế nào, việc này do bà và ông S tự thoả thuận, tự xác lập giao kết với nhau. Mọi giao dịch ký kết liên quan đến việc chơi và lấy tiền phường từ khi bà là chủ phường, chỉ một mình bà ký xác nhận. Trong quá trình ông S đóng phường, nhiều khi bà không có nhà hoặc bận việc riêng, bà đã nhờ chồng bà cầm hộ, nhận hộ tiền phường, sau đó chồng bà đã trao trả đầy đủ toàn bộ số tiền phường đã nhận của ông S cho bà.

Tòa án yêu cầu bà cung cấp tên, tuổi, địa chỉ những người tham gia các dây phường do bà làm chủ phường đang có tranh chấp thì bà không cung cấp được vì hiện nay những người đó ở đâu, làm gì bà không biết để cung cấp cho Tòa án.

Hiện tại sức khoẻ của bà không được tốt, bà đang phải điều trị bệnh tại Bệnh viện Ung bướu tỉnh B, quá trình điều trị của bà lâu dài, theo từng đợt theo phác đồ điều trị của bác sĩ. Do đó bà xin phép được vắng mặt tại phiên tòa giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là ông Nguyễn Thanh S1 **trình bày:**

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là việc làm ăn riêng của vợ ông, do một mình vợ ông thực hiện. Ông Hoàng Văn S là cùng phường với vợ chồng ông. Việc ông S là người chơi phường do vợ ông là chủ phường chơi như thế nào ông không biết. Tất cả mọi giao dịch ký kết liên quan đến việc chơi và lấy tiền phường giữa vợ ông là chủ phường và ông S chỉ có một mình vợ ông ký xác nhận. Ông chỉ nhận hộ, cầm hộ tiền phường của ông S đóng cho chủ phường là vợ ông khi vợ ông không có nhà, bận việc riêng và ông đã bàn giao đủ cho vợ ông toàn bộ số tiền đó chứ ông không chiếm hữu, không sử dụng vào mục đích cá nhân hay vì nhu cầu thiết yếu của gia đình. Số tiền thu được hay khoản lợi có được từ việc cầm phường do vợ ông là chủ phường không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình ông. Chính vì vậy, ông không có trách nhiệm liên đới

đối với giao dịch do một mình vợ ông thực hiện, ông không có nghĩa vụ và không có trách nhiệm đối với khoản nợ riêng của vợ ông với ông S. Ông xin phép vắng mặt tại tất cả các phiên làm việc của Tòa án gồm lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất, phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm liên quan đến vụ án.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Thân Thị H **trình bày:**

Bà là vợ của ông Hoàng Văn S. Việc chồng bà tham gia đóng phường với ông S1, bà M thì bà không hề biết. Số tiền ông S đóng phường là tiền riêng của chồng bà, bà không liên quan nên không có ý kiến gì, không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 10/7/2025 nguyên đơn ông Hoàng Văn S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh S1 phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị M phải trả ông số tiền phường còn nợ. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải ngày 10/7/2025, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến về nội dung trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Hoàng Văn S trình bày: Ông giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải ngày 10/7/2025, xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Nguyễn Thanh S1 liên đới cùng bà Nguyễn Thị M phải trả ông số tiền phường còn nợ. Nay ông chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị M phải trả ông số tiền 50.000.000 đồng là tiền phường còn nợ. Căn cứ khởi kiện của ông là bản gốc *Giấy trả nợ tiền phường số 51+Q2-76* đã nộp cho Tòa án. Ngoài tài liệu trên thì ông không còn tài liệu nào khác liên quan đến khoản nợ tiền phường, họ. Ông cũng xác định ngoài số tiền nợ phường nói trên, ông Nguyễn Thanh S1, bà Nguyễn Thị M không còn nợ ông khoản tiền nào khác. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh S1, bà Nguyễn Thị M; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 217, 271, 273, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự, Điều 15, 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn S về việc buộc ông Nguyễn Thanh S1 phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị M trả nguyên đơn ông Hoàng Văn Sinh T phường còn nợ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn S về việc buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn ông Hoàng Văn S số tiền phường còn nợ là 50.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ông Hoàng Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Hoàng Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Thanh S1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Thân Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vắng mặt những người này là đảm bảo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự: Tại đơn khởi kiện ban đầu, ông Hoàng Văn S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh S1 và bà Nguyễn Thị M phải trả tiền phường còn nợ. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân trong giao dịch dân sự về tiền phường, các bên không tự giải quyết được nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án. Do vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp giao dịch dân sự về tiền phường, họ"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định ông Hoàng Văn S là nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh S1 và bà Nguyễn Thị M là đồng bị đơn, bà Thân Thị H – vợ ông Hoàng Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh). Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi, thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn S, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Tại đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn là ông Hoàng Văn S yêu cầu ông Nguyễn Thanh S1 và bà Nguyễn Thị M phải liên đới trả ông số tiền 50.000.000 đồng là tiền phường còn nợ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Hoàng Văn S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh S1 phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền phường còn nợ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không bị ai

ép buộc. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Thanh S1 phải liên đới cùng bà Nguyễn Thị M trả tiền phường còn nợ.

[4.2] Xét yêu cầu của ông Hoàng Văn S về việc buộc bà Nguyễn Thị M phải trả ông 50.000.000 đồng tiền phường còn nợ, Hội đồng xét xử thấy:

[4.2.1] Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn là bản gốc *Giấy trả nợ tiền phường số 51+Q2-76* đã xuất trình cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị M xuất trình hai bản gốc *Giấy trả nợ tiền phường số 51 và Giấy trả nợ tiền phường số 76+Q151.* Mặc dù các Giấy trả nợ tiền phường do các bên xuất trình có mã số, ký hiệu khác nhau, nhưng đều thể hiện các nội dung chủ phường Nguyễn Thị M; người chơi phường ông Hoàng Văn S; có chữ ký của ông S và bà M; tính đến ngày 7/3/2024 là lần chốt nợ cuối cùng thì bà Nguyễn Thị M - chủ phường còn nợ ông S số tiền 50.000.000 đồng. Các Giấy trả nợ tiền phường nêu trên đều được nguyên đơn và bị đơn thừa nhận nên đủ điều kiện là chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 95, Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều có lời khai thừa nhận việc ông S và bà M thỏa thuận chơi phường là có thật, các bên tham gia chơi phường là tự nguyện. Ông S đã tham gia 2 phường do bà M làm chủ phườn gồm phường A, phường B; mỗi phường gồm 24 suất, mỗi người chơi phường phải đóng 5.000.000 đồng/tháng/suất. Ông S đã đóng tổng cộng 2 phường là 220.000.000 đồng. Ông S đã được bà M thanh toán một phần tiền phường gốc là 170.000.000 đồng, chưa được thanh toán lãi. Trong các "Giấy trả nợ tiền phường" ghi số tiền phường bà M còn nợ ông S là 50.000.000 đồng, nguyên đơn- ông S và bà M - bị đơn đều xác nhận số tiền phường (gốc) bà M còn nợ ông S là 50.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2.3] Việc bà M (chủ phường) không trả ông S (người chơi phường) số tiền 50.000.000 đồng tiền phường (gốc) còn nợ là vi phạm nghĩa vụ của chủ phường theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4.2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn S, buộc bà Nguyễn Thị M phải trả nguyên đơn ông Hoàng Văn S số tiền phường còn nợ là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5% x 50.000.000 đồng = 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Hoàng Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Hoàng Văn S số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002905 ngày 12/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 217; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 116; Điều 117; Điều 274; Điều 280; khoản 1 Điều 351; Điều 357; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 15; Điều 18; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;
Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn S về việc buộc ông Nguyễn Thanh S1 liên đới cùng bà Nguyễn Thị M trả nguyên đơn ông Hoàng Văn S số tiền phường còn nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn S về việc buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho nguyên đơn ông Hoàng Văn S số tiền phường còn nợ là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Hoàng Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Hoàng Văn S số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002905 ngày 12/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Bắc Ninh;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hoa